

Số: 347/2023/QĐST-HNGĐ

Chương Mỹ, ngày 18 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 586/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2022, giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị Đỗ Thị L, sinh năm 1984

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Bá T, sinh năm 1985

Nơi đăng ký HKTT và cư trú tại: Thôn Q, xã H, huyện C, thành phố Hà Nội

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Quý tín dụng nhân dân xã H, huyện C, thành phố Hà; Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện C, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Bá H**, sinh năm 1958 – Chủ tịch Hội đồng Quản trị Quý tín dụng nhân dân xã H, huyện C, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Hữu V**; chức vụ phó giám đốc Quý tín dụng nhân dân xã H, huyện C, thành phố Hà Nội. theo Giấy ủy quyền số 02/UQ/HĐQT ngày 26/6/2023.

2. Anh Nguyễn Bá Hải N, sinh năm 2006 (con chị L, anh T); Nơi đăng ký HKTT và cư trú tại: Thôn Q, xã H, huyện C, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của cháu Nguyễn Bá Hải Nguyên: Chị Đỗ Thị L, anh Nguyễn Bá T (bố mẹ đẻ); Cùng có nơi đăng ký HKTT và cư trú tại: Thôn Q, xã H, huyện C, thành phố Hà Nội

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 7 Điều 26; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày **10 tháng 8 năm 2023**

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 8 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Đỗ Thị L và anh Nguyễn Bá T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chị Đỗ Thị L và anh Nguyễn Bá T xác nhận có 03 con chung là Nguyễn Bá Hải N, sinh năm 2006; Cháu Nguyễn Bá Hải D, sinh năm 2007; cháu Nguyễn Ngọc Lan C, sinh năm 2015.

Chị L, anh T thoả thuận sau khi ly hôn giao các con chung Nguyễn Bá Hải N; Cháu Nguyễn Bá Hải D; cháu Nguyễn Ngọc Lan C cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng kể từ khi ly hôn cho đến khi các con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có thoả thuận khác, quyết định thay đổi khác.

Chị L tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi các con chung, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con chung cho anh T kể từ khi ly hôn, cho đến khi các con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có thoả thuận khác, quyết định thay đổi khác.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con chung không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung của người trực tiếp nuôi con.

2.2. Về tài sản chung, công sức chung: Chị Đỗ Thị L và anh Nguyễn Bá T thống nhất trình bày có 02 tài sản chung (được định giá theo biên bản định giá ngày 06/7/2023) cụ thể như sau:

Nhà đất thứ 1: Thửa đất số 33, tờ bản đồ số 14, diện tích 75 m²; mục đích sử dụng: Đất ở; thời hạn sử dụng: Lâu dài. Tại địa chỉ: Thôn Q, xã H, huyện C, thành phố Hà Nội trên đất gồm có: 01. Nhà bê tông 02 tầng, 01 tum đồ bê tông, dán ngói diện tích khoảng 65 m², xây dựng năm 2012. Nhà đất này vợ chồng tôi mua trong thời kỳ hôn nhân khoản năm 2010, có giấy tờ hợp pháp mang tên hai vợ chồng tôi. Các con của tôi khi đó còn nhỏ không có công sức đóng góp gì.

1. Giá trị quyền sử dụng đất:

- Theo quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019, của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, giá trị thửa đất được xác định như sau:

+ Vị trí thửa đất: Thửa đất thuộc vị trí 3, đường N qua UBND xã H đến đường H, Địa chỉ Thôn Q, xã H, huyện C, thành phố Hà Nội.

Về giá chuyển nhượng trên thị trường: 3.000.000 đồng/01m²

Hội đồng định giá xác định giá trị của thửa đất trên như sau: Giá đất ở là 3.000.000 đồng/01m².

+ Giá trị Thửa đất số 33, tờ bản đồ số 14, diện tích 75 m² là: 75m² x 3.000.000.đồng/01m² = **225.000.000 đồng**

2. *Giá trị các công trình, tài sản trên đất:* Một nhà bê tông 02 tầng, 01 tum đồ bê tông, dân ngôi diện tích xây dựng 65 m², xây dựng năm 2012 (tổng diện tích xây dựng 195 m²) xây dựng năm 2012

Theo Quyết định số 05/2023/QĐ-UBND thành phố Hà Nội ngày 28/3/2023 về việc ban hành giá xây dựng mới nhà ở, nhà tạm, vật kiến trúc làm cơ sở xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội

Đơn giá xây dựng mới: 5.603.000đồng/01m².

Giá trị còn lại: (195m² x 5.603.000đồng/01m²) x 60% = **655.551.000 đồng**

3. *Tổng giá trị của đất và nhà bê tông 02 tầng 01 tum trên đất là:* 225.000.000 đồng + 655.551.000 đồng = **880.551.100 đồng** (Tám trăm tám mươi triệu, năm trăm năm một nghìn, một trăm đồng).

Nhà đất thứ 2: Thửa đất số 11, tờ bản đồ số 19, diện tích 93,1 m²; mục đích sử dụng: Đất ở; thời hạn sử dụng: Lâu dài. Tại địa chỉ: Thôn Q, xã H, huyện C, thành phố Hà Nội. (Theo bản đồ đo đạc tổng thể năm 2019). Tài sản gắn liền với đất: 01 nhà bê tông 05 tầng, 01 tum diện tích 76.6m² (tổng diện tích xây dựng 383m²) xây dựng năm 2018, đã qua sử dụng. Nhà đất này vợ chồng tôi mua trong thời kỳ hôn nhân chúng tôi mua năm 2018, có giấy tờ hợp pháp mang tên hai vợ chồng tôi. Khi mua và xây dựng các con tôi còn nhỏ không có công sức đóng góp gì.

1. *Giá trị quyền sử dụng đất:*

- Theo quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019, của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, giá trị thửa đất được xác định như sau:

+ Vị trí thửa đất: Thửa đất thuộc vị trí 1, thuộc đường N, từ thị trấn C, đến đường H, Địa chỉ: Thôn Q, xã H, huyện C, thành phố Hà Nội.

Về giá chuyển nhượng trên thị trường: Giá thị trường khoảng 10. 000.000 đồng/01m²

- Hội đồng định giá xác định giá trị của thửa đất trên như sau: Giá đất ở là 10.000.000 đồng/01m².

+ Giá trị Thửa đất số 11, tờ bản đồ số 19, diện tích 93,1 m² là: 93,1m² x 10.000.000 đồng/1m² = **931.000.000 đồng** (Chín trăm ba một triệu đồng)

2. *Giá trị các công trình, tài sản trên đất:* Một nhà bê tông 05 tầng, 01 tum diện tích xây dựng 76.6m²/01 tầng (tổng diện tích xây dựng 383m²) xây dựng năm 2018.

Theo Quyết định số 05/2023/QĐ-UBND thành phố Hà Nội ngày 28/3/2023 về việc ban hành giá xây dựng mới nhà ở, nhà tạm, vật kiến trúc làm cơ sở xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Đơn giá xây dựng mới: 5.566.000đồng/01m².

- Giá trị còn lại: $(383\text{m}^2 \times 5.566.000\text{đồng}/01\text{m}^2) \times 80\% = \mathbf{1.705.422.400 \text{ đồng}}$ (Một tỷ bảy trăm linh năm triệu, bốn trăm hai nghìn bốn trăm đồng)

3. *Tổng giá trị của đất và nhà bê tông 05 tầng 01 tum trên đất là:* 931.000.000 đồng + 1.705.422.400 đồng = **2.636.422.400 đồng** (Hai tỷ sáu trăm ba sáu triệu bốn trăm hai nghìn bốn trăm đồng).

- **Tổng giá trị tài sản chung của vợ chồng chị L, anh T là: 3.516.973.500 đồng** (Ba tỷ năm trăm mười sáu triệu, chín trăm bảy ba nghìn, năm trăm đồng)

- **Chị L, anh T thống nhất giá trị tài sản chung chia đôi mỗi người được hưởng 50% giá trị tài sản chung là: 3.516.973.500 đồng/2= 1.758.486.750 đồng**

- **Chị L, anh T thống nhất thỏa thuận chia tài sản chung bằng hiện vật như sau:**

1. Chị L nhận tài sản là: Thửa đất số 33, tờ bản đồ số 14, diện tích 75 m²; mục đích sử dụng: Đất ở; thời hạn sử dụng: Lâu dài. Tại địa chỉ: Thôn Q, xã H, huyện C, thành phố Hà Nội, trên đất gồm có: 01. Nhà bê tông 02 tầng, 01 tum đồ bê tông, dán ngói diện tích khoảng 65 m², xây dựng năm 2012. Có giá trị: **880.551.100 đồng** (Tám trăm tám mươi triệu, năm trăm năm một nghìn, một trăm đồng).

2. Anh T nhận tài sản là: Thửa đất số 11, tờ bản đồ số 19, diện tích 93,1 m²; mục đích sử dụng: Đất ở; thời hạn sử dụng: Lâu dài. Tại địa chỉ: Thôn Q, xã H, huyện C, thành phố Hà Nội. (Theo bản đồ đo đạc tổng thể năm 2019). Tài sản gắn liền với đất: 01 nhà bê tông 05 tầng, 01 tum diện tích 76.6m² (tổng diện tích xây dựng 383m²) xây dựng năm 2018, đã qua sử dụng. Có giá trị **2.636.422.400 đồng** (Hai tỷ sáu trăm ba sáu triệu bốn trăm hai nghìn bốn trăm đồng).

- **Phần giá trị chênh lệch sau khi tự thỏa thuận phân chia tài sản chung là:** Anh Nguyễn Bá T nhất trí thanh toán cho chị Đỗ Thị L giá trị tài sản chung chênh lệch là **877.935.650 đồng** (Tám trăm bảy bảy triệu, chín trăm ba năm nghìn, sáu trăm năm mươi đồng)

3. **Về công nợ chung:** Anh T, chị L thống nhất khoản nợ chung của Quỹ tín dụng nhân dân xã H Theo HĐ tín dụng số 237 ngày 28 tháng 10 năm 2022, số tiền là **371.000.000 đồng** (Ba trăm bảy một triệu đồng). Chị L, anh T thống nhất chị Đỗ Thị L có nghĩa vụ trả cho Quỹ tín dụng nhân dân xã H, huyện

Chương Mỹ, thành phố Hà Nội số tiền **371.000.000 đồng** (Ba trăm bảy một triệu đồng). Chậm nhất đến hết ngày 10/10/2023, bà Đỗ Thị L sẽ thanh toán cho Quỹ Tín dụng nhân dân xã H toàn bộ số tiền gốc nêu trên và số tiền lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày 11/10/2023 cho đến ngày tắt toán toàn bộ khoản nợ.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Quỹ tín dụng nhân dân xã Hữu Văn:** Ông Nguyễn Bá H chủ tịch Hội đồng quản trị giám đốc Quỹ tín dụng nhân dân xã H, huyện C, thành phố Hà Nội xác nhận khoản nợ Theo HĐ tín dụng số 237 ngày 28 tháng 10 năm 2022, số tiền là **371.000.000 đồng** (Ba trăm bảy một triệu đồng) nợ gốc (không có nợ lãi). Quỹ tín dụng nhân dân xã H thống nhất với thỏa thuận của vợ chồng chị Đỗ Thị L và anh Nguyễn Bá T là chị Đỗ Thị L nhận nghĩa vụ thanh toán đối với khoản nợ chung của vợ chồng, chị Đỗ Thị L có nghĩa vụ trả cho Quỹ tín dụng nhân dân xã H, huyện C, thành phố Hà Nội số tiền **371.000.000 đồng** (Ba trăm bảy một triệu đồng) nợ gốc và lãi theo thỏa thuận tại HĐTD đã ký kết. Quỹ tín dụng nhân dân xã Hữu Văn và chị L sẽ tiến hành ký kết hợp đồng tín dụng khác để đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các bên.

- **Về thời hạn trả nợ:** Chậm nhất đến hết ngày 10/10/2023, bà Đỗ Thị L sẽ thanh toán cho Quỹ Tín dụng nhân dân xã H toàn bộ số tiền gốc nêu trên và số tiền lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày 11/10/2023 cho đến ngày tắt toán toàn bộ khoản nợ.

- **Về xử lý tài sản đảm bảo:** Trường hợp hết ngày 10/10/2023, bà Đỗ Thị L không trả được hết khoản nợ thì Quỹ Tín dụng nhân dân xã H có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo Giấy cam kết giữ tài sản đảm bảo số 237 ngày 28/10/2022, giữa bên giữ tài sản là Quỹ tín dụng nhân dân xã H và bên giao tài sản ông Nguyễn Bá T, bà Đỗ Thị L. Tài sản đảm bảo cho khoản vay theo Theo HĐ tín dụng số 237 ngày 28 tháng 10 năm 2022 là Thửa đất số 33, tờ bản đồ số 14, diện tích 75 m²; mục đích sử dụng: Đất ở; thời hạn sử dụng: Lâu dài. Tại địa chỉ: Thôn Q, xã H, huyện C, thành phố Hà Nội.

Phạm vi bảo đảm của tài sản thế chấp là các nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn của bên vay.

Tài sản thế chấp được xử lý theo diện tích, kích thước thực tế tại thời điểm xử lý.

Trường hợp khi phát mại tài sản thế chấp, nếu số tiền thu được không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bà Đỗ Thị L vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân xã Hữu Văn bằng các tài sản hợp pháp khác.

Trường hợp khi phát mại tài sản thế chấp, nếu số tiền thu được có giá trị lớn hơn số tiền bà Đỗ Thị L phải trả theo phạm vi bảo đảm, thì số tiền còn lại sau khi thanh toán xong khoản nợ được trả lại cho bên thế chấp.

Trường hợp bà Đỗ Thị L thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì Quỹ tín dụng nhân dân xã Hữu Văn phải làm thủ tục giải chấp tài sản thế chấp cho bên thế chấp theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Chị Đỗ Thị L tự nguyện nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, án phí chia tài sản chung, án phí công nợ chung: Án phí dân sự về ly hôn (*Nghĩa vụ án phí phải nộp trong trường hợp thuận tình ly hôn*) số tiền là 150.000 đồng; Án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung là 51.170.000 đồng; Án phí về công nợ chung là 9.725.000 đồng. Tổng án phí chị Đỗ Thị L phải nộp là: 51.170.000 đồng + 150.000 đồng + 9.725.000 đồng = **61.045.000 đồng**. Sau khi được miễn giảm án phí theo đơn xin miễn giảm án phí dân sự và đối trừ **32.300.000 đồng** tạm ứng án phí chị L đã nộp (*Theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/ 0076413 ngày 01 tháng 12 năm 2022*) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội. Chị Đỗ Thị L phải còn phải nộp án phí dân sự là **14.372.500 đồng** (*Mười bốn triệu, ba trăm bảy hai nghìn, năm trăm đồng*).

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân Tp.Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân H.Chương Mỹ;
- Chi cục Thi hành án dân sự H.Chương Mỹ;
- UBND xã Hữu Văn, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội (Nơi đăng ký kết hôn);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng.

THẨM PHÁN

Nguyễn Quang Hiếu